

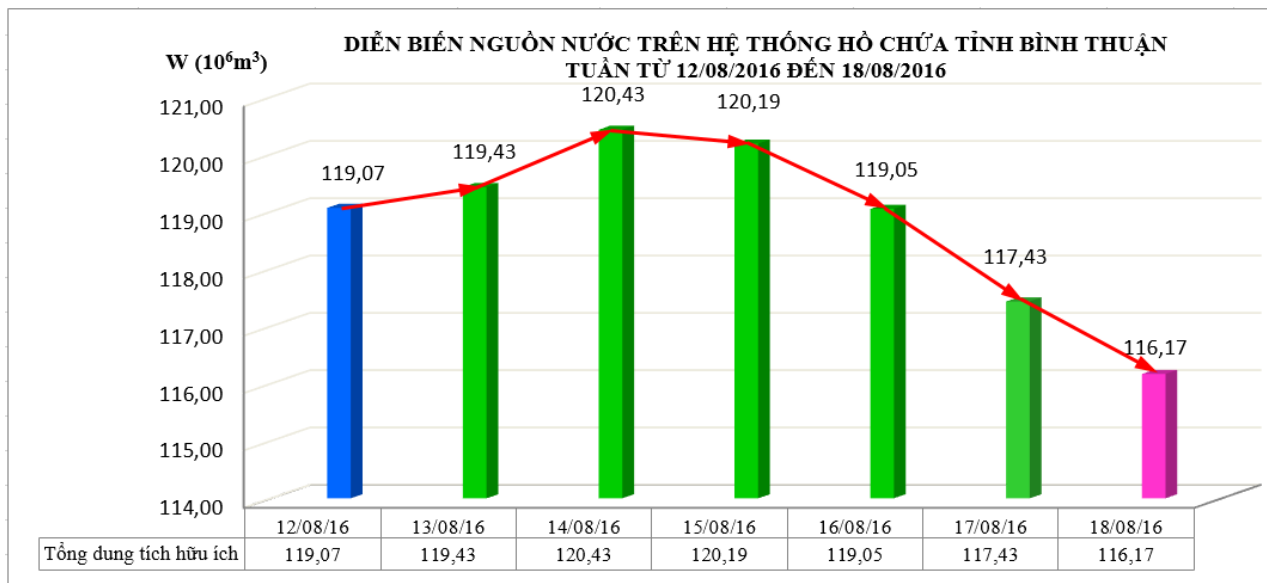
BẢN TIN

DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC SÔNG LỮY - LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2016 (Tuần từ 19/08/2016 đến 25/08/2016)

1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 12/08 – 18/08/2016

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ ngày 12/08/2016 đến 18/08/2016 được trình bày tại hình 1, vì lượng mưa ít vào những ngày cuối tuần nên dung tích các hồ/đập có xu hướng giảm so với đầu tuần, lượng giảm bình quân là 0,48 triệu m³/ngày, tổng lượng giảm là 2,9 triệu m³.



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 12/08-18/08/2016

1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 18/08/2016.

1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi.

Tính đến ngày 18/08/2016 tổng dung tích của 16 hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận là 116,17 triệu m³, đạt 53,64 % so với tổng dung tích hữu ích thiết kế. Còn 1 hồ lượng nước tích còn ít (ít hơn 30% dung tích hữu ích thiết kế): hồ Đá Bạc (14,59%).

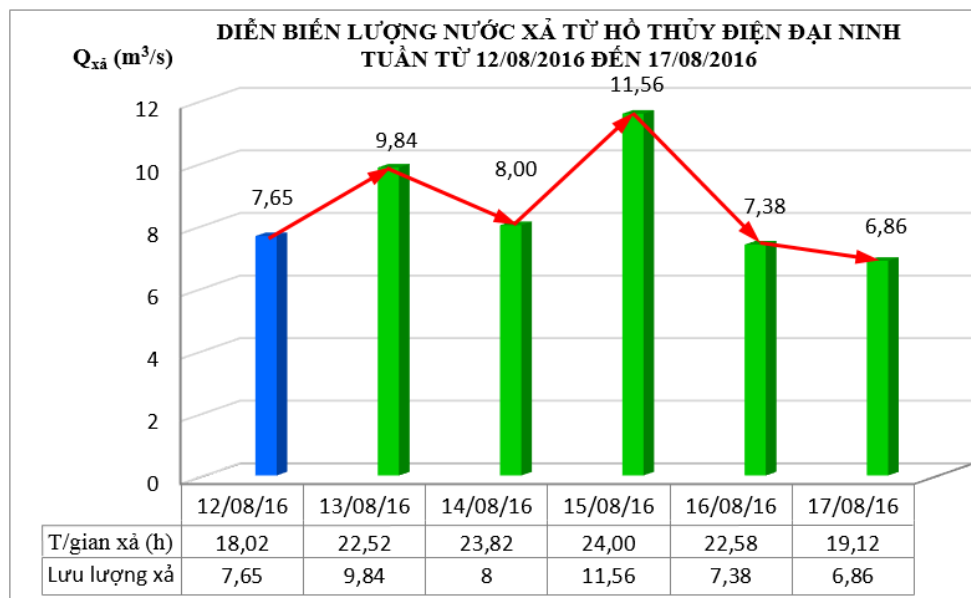
Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 18/08/2016

STT	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH (10^6 m^3)						Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	Đá Bạc	1,045	4,87	9,718	0,392	4,478	▼ 0,653	14,59%
2	Lòng Sông	25,339	37,16	40,271	3,464	33,696	▼ 21,875	64,92%
3	Cà Giấy	28,684	36,921	63,209	8,409	28,512	▼ 20,275	71,11%
4	Sông Khán	0,912	2,014	2,52	0,261	1,753	▲ 0,651	37,16%
5	Sông Quao	40,622	73	80	5,7	67,3	▼ 34,922	51,89%
6	Suối Đá	3,991	9,131	12,786	1,273	7,858	▼ 2,718	34,59%
7	Cầm Hang	0,692	1,18	1,215	0,013	1,167	▲ 0,679	58,22%
8	Sông Móng	13,707	37,156	51,515	2,985	34,171	▲ 10,722	31,38%
9	Ba Bàu	4,901	6,938	11,403	0,964	5,974	▼ 3,937	65,90%
10	Đu Đủ	1,657	3,664	5,217	0,297	3,367	▲ 1,360	40,40%
11	Tần Lập	1,115	1,07	1,52	0,07	1	▼ 1,045	104,50%
12	Tà Mon	0,403	0,657	0,72	0,05	0,607	▼ 0,353	58,11%
13	Núi Đất	5,718	8,466	9,648	0,566	7,9	▲ 5,152	65,21%
14	Trà Tân	4,185	3,888	8,333	0,403	3,485	■ 3,782	108,53%
15	Sông Phan	2,188	3,022	3,579	0,172	2,85	▼ 2,016	70,75%
16	Phan Dũng	7,261	13,674	18,925	1,233	12,441	▼ 6,028	48,45%
Tổng Cộng		142,421	242,811	320,579	26,252	216,559	116,169	53,64%

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Thể hiện dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với đầu tuần (ngày 12/08/2016)

1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 18/08/2016, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 21,16 triệu m^3 /251,7 triệu m^3 , đạt 8,4 % so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 1,1 triệu m^3 so với đầu tuần (ngày 12/08/2016).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 12/08/2016 đến 17/08/2016

Tính đến ngày 18/08/2016, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 106,65 triệu m^3 / 522,5 triệu m^3 , đạt 20,4 % so với dung tích hữu ích thiết kế, tăng 23,7 triệu m^3 so với đầu tuần (ngày 12/08/2016).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 18/08/2016

Stt	Tên Các Hồ Chứa	DUNG TÍCH (10^6 m^3)						Tỷ lệ dung tích tích hiện tại
		Hiện Tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích Thiết kế	Hữu ích Hiện tại	
1	<u>Đại Ninh</u>	89,201	319,770	549,820	68,040	251,730	21,161	8,41%
2	<u>Hàm Thuận</u>	279,385	695,230	976,650	172,730	522,500	106,655	20,41%
Tổng Cộng		368,586	1.015,000	1,526,470	240,770	774,230	127,816	16,51%

2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (Trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2015.

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân.

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2016. Lịch thời vụ các loại cây trồng.

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi.

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông.
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

Dự báo KTTV tháng 08/2016	Dự báo KTTV tuần 3 tháng 08/2016
<p><i>a. Khí tượng:</i></p> <p>- Dự báo lượng mưa tháng 8/2016 đạt xấp xỉ TBNN và có nơi dưới TBNN - CTK. Cụ thể các khu vực như sau: Đức Linh, Tánh Linh và vùng núi Hàm Thuận Bắc (Đông Giang) phổ biến: 350-450mm, với 18-20 ngày mưa. Khu vực trung tâm và ven biển phía nam: 150 -</p>	<p><i>a. Khí tượng:</i></p> <p>- Dự báo lượng mưa phổ biến đạt xấp xỉ và trên TBNN, cụ thể: Khu vực phía Bắc tỉnh: 40 - 60mm; với 4 - 6 ngày mưa. Khu vực trung tâm và phía Nam: 75 - 100mm, có nơi 100 – 150mm; với 6 - 8 ngày mưa. Khu vực vùng núi Tây Nam:</p>

250mm, với 15 - 17 ngày mưa. Khu vực phía bắc: 75 - 100mm có nơi 100 - 120mm, với 12 - 14 ngày mưa.

- Tổng lượng bốc hơi: 120 - 140mm.

b. Thủy văn:

Mức nước tại trạm Tà Pao và sông Lũy tại trạm Sông Lũy ít thay đổi. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb = 117,00m; Hmax = 119,50m; Hmin = 115,60m.

+ Sông Lũy: Htb = 23,80m; Hmax = 26,00m; Hmin = 23,20m.

100 - 150mm, có nơi 150 - 200mm; với 7 - 9 ngày mưa.

- Tổng lượng bốc hơi: 35 - 45mm.

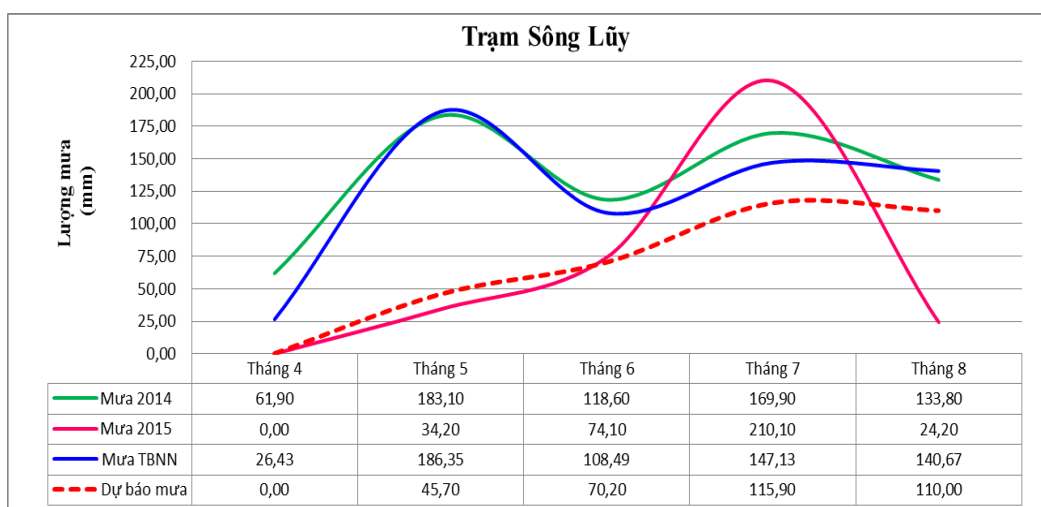
b. Thủy văn:

Mức nước tại trạm Tà Pao dao động trong khoảng thấp hơn đến xấp xỉ cấp ĐBI và tại trạm Sông Lũy ít thay đổi đến dao động nhỏ và có khả năng xảy ra lũ nhỏ. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

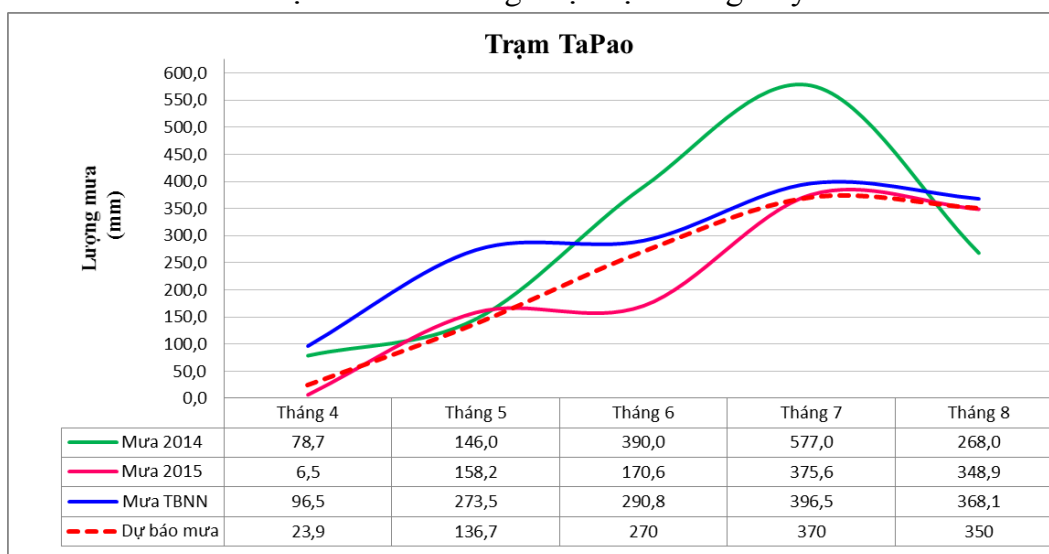
+ Tà Pao: Htb=117,10m; Hmax = 119,00m; Hmin = 115,60m.

+ Sông Lũy: Htb = 23,70m; Hmax = 25,00m; Hmin = 23,20m

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa tháng 8 tại trạm Sông Lũy



Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa tháng 8 tại trạm Tà Pao

2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Hè Thu năm 2016 tỉnh Bình Thuận.

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu (tháng 8) năm 2016 tỉnh Bình Thuận

TT	LV Sông/ Hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập tháng 8/2016 (10^6 m^3)
1	Hồ Đá Bạc	0,05
2	Hồ Phan Dũng	3,48
3	Hồ Lòng Sông	6,16
4	Đập Sông Lũy	50,96
5	Hồ Cà Giây	3,69
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn,..	19,5
7	Hồ Sông Quao	46,82
8	Hồ Suối Đá	2,2
9	Hồ Sông Khán	1,5
10	Hồ Cà Giang	0,32
11	Hồ Cẩm Hàng	0,88
12	Hồ Sông Móng	7,21
13	Đập Ba Bàu	13,93
14	Hồ Đu Đủ	0,83
15	Đập Sông Phan	14,73
16	Hồ Tân Lập	1,37
17	Hồ Tà Mon	3,62
18	Hồ Núi Đất	3,62
19	Hồ Sông Dinh	84,29
20	Đập Cô Kiều	2,89
21	Sông La Ngà (tới đập Tà Pao)	260,39
22	Hồ Trà Tân	5,76
Tổng cộng		534,2

Dự kiến lượng nước xả tháng 8 (vào những năm ít nước) của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau:

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy Điện		Tháng 8	Tổng (10^6 m^3)
Đại Ninh	Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s)	11	8,6
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	7	
Hàm Thuận-Đa Mi	Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s)	36,2	48,5
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	12	

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Hè Thu 2016 (tháng 8) được trình bày tại Bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2016 (tháng

8) là 121,7 triệu m³.

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mối các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu (tháng 8) năm 2016

Đơn vị: Triệu m³

TT	LV Sông/ Hồ	Vụ Hè Thu 2016				
		Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha)				Nhu cầu nước tháng 8/2016 (10 ⁶ m ³)
		Lúa	Màu (Ngô, Đậu, Lạc, Mè)	Cây CN, Nho, Thanh Long	Thủy sản	
Tổng cộng		37503	24573	14761,4	647,5	121,70
1	Hồ Đá Bạc	84		54	-	0,29
2	Hồ Phan Dũng	38		108	-	0,35
3	Hồ Lòng Sông	947		195	79,2	3,41
4	Đập Sông Lũy	7822	9877	294	-	40,29
5	Hồ Cà Giây	1729	2183	396	-	4,45
6	Đập Đồng Mới, Đồng Măng, Tú Sơn...	1259	1590	276	-	7,74
7	Hồ Sông Quao	6551	2918	6622,81	-	19,50
8	Hồ Suối Đá	246	112	470	-	0,44
9	Hồ Sông Khán	77	32	34	-	0,22
10	Hồ Sông Móng			178	-	-
11	Đập Ba Bàu	460		3640	-	0,87
12	Hồ Đu Đủ	61		987,67	-	0,10
13	Đập Sông Phan	1		604,8	-	0,07
14	Hồ Tân Lập			473,76	-	-
15	Hồ Tà Mon			137,4	-	-
16	Hồ Núi Đất	312		226	-	0,81
17	Hồ Sông Dinh	660		64	-	2,22
18	Đập Cô Kiều	40		-	-	0,12
19	Sông La Ngà (tới Đập Tà Pao)	17115	7861	-	568,3	40,79
20	Hồ Trà Tân	101		-	-	0,05

4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ HÈ THU 2016.

4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 19/8/2016 đến 25/08/2016

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 25/08/2016 được trình bày tại Bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh có xu hướng giảm, tổng dung tích các hồ chứa đến ngày 25/08/2016 giảm còn khoảng 113,5 triệu m³ (chiếm 52,41% so với dung tích thiết kế), giảm 2,66 triệu m³ so với thời điểm hiện tại (ngày 18/8/2016).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 25/08/2016

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế (10 ⁶ m ³)	Nguồn nước hiện tại -18/8/2016			Dự kiến nguồn nước đến 25/8/2016		
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 18/8/2016 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 25/8/2016 so với thiết kế
1	Hồ Đá Bạc	31,01	4,478	26,90	0,653	14,59%	26,79	▼ 0,6076	13,57%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	71,43	21,875	64,92%	71,20	▼ 21,427	63,59%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	73,01	20,275	71,11%	72,64	▼ 18,471	64,78%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	104,14	0,651	37,16%	104,15	▲ 0,655	37,34%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	82,91	34,922	51,89%	82,79	▼ 34,408	51,13%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	45,01	2,718	34,59%	44,95	▼ 2,616	33,29%
7	Hồ Cẩm Hàng	25	1,167	24,08	0,679	58,22%	24,02	▼ 0,648	55,49%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	70,19	10,722	31,38%	70,49	▲ 11,675	34,17%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	41,25	3,937	65,90%	41,15	▼ 3,666	61,37%
10	Hồ Đu Đủ	61	3,367	58,80	1,360	40,40%	58,63	▼ 1,242	36,89%
11	Hồ Tân Lập	44	1	44,10	1,045	104,50%	44,10	■ 1,045	104,50%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	45,15	0,353	58,11%	45,00	▼ 0,325	53,54%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	22,08	5,152	65,21%	22,20	▲ 5,372	67,99%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	95,10	3,782	108,53%	95,10	■ 3,782	108,53%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	68,04	2,016	70,75%	67,61	▼ 1,892	66,38%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	203,00	6,028	48,45%	202,75	▼ 5,675	45,61%
	Tổng		216,559		116,17	53,64%		113,50	52,41%

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu 2016

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Hè Thu đã tính ở trên, dự báo tuần từ 19/8-31/8/2016 sẽ có:

- + Chỉ còn 1/20 hồ/đập trên địa bàn tỉnh nguồn nước hơi ít để bố trí diện tích tưới là: Hồ Đá Bạc (đáp ứng 85 % nhu cầu nước nông nghiệp).
- + 19/20 hồ/đập có khả năng đảm bảo cấp nước cho vụ Hè Thu bao gồm: đập Sông Lũy, hồ Cà Giây, Hệ thống đập Đồng Mới..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Ba Bàu, hồ Đu Đủ, đập Sông Phan, hồ Tân Lập, hồ Tà Mon, hồ Sông Dinh, đập Cô kiều, Sông La Ngà (tới đập Tà Pao), hồ Trà Tân, hồ Phan Dũng, hồ Lòng Sông, hồ Núi Đất.

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa vụ Hè Thu 2016 được tổng hợp trong Bảng 7.

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu tỉnh Bình Thuận năm 2016

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước tháng 8	
		Lượng nước thiếu (10 ⁶ m ³)	Tỷ lệ đáp ứng
1	Hồ Đá Bạc	0,044	85,00%
2	Hồ Phan Dũng	0	100,00%
3	Hồ Lòng Sông	0	100,00%
4	Đập Sông Lũy	0	100,00%
5	Hồ Cà Giây	0	100,00%
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn...	0	100,00%
7	Hồ Sông Quao	0	100,00%
8	Hồ Suối Đá	0	100,00%
9	Hồ Sông Khán	0	100,00%
10	Hồ Sông Móng	0	100,00%
11	Đập Ba Bàu	0	100,00%
12	Hồ Đu Đủ	0	100,00%
13	Đập Sông Phan	0	100,00%
14	Hồ Tân Lập	0	100,00%
15	Hồ Tà Mon	0	100,00%
16	Hồ Núi Đất	0	100,00%
17	Hồ Sông Dinh	0	100,00%
18	Đập Cô Kiều	0	100,00%
19	Sông La Ngà(Tới Đập Tà Pao)	0	100,00%
20	Hồ Trà Tân	0	100,00%
Tổng		0,044	

Kiến nghị:

Trên cơ sở kết quả kiểm kê nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, mưa đã xuất hiện trên toàn tỉnh tuy nhiên ngành nông nghiệp địa phương vẫn cần: Thường xuyên theo dõi lưu lượng nước xả của Thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi; Tiếp tục cập nhật tình hình diễn biến mưa và nguồn nước các hồ để có kế hoạch chăm sóc tốt nhất cho cây trồng vụ Hè Thu.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 25/08/2016 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh giảm còn khoảng 113,5 triệu m³ (chiếm 52,41% so với dung tích thiết kế), do đó kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 25/08/2016 như sau:

- Hồ Lòng Sông có 21,42 triệu m³, hồ Phan Dũng có 5,67 triệu m³: nên có thể tận dụng nguồn nước có trong hồ và lượng nước mưa để cấp đủ nước tưới cho lúa, cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ Đá Bạc 0,60 triệu m³: có thể nguồn nước chỉ đáp ứng được 85,04% diện tích sản xuất nông nghiệp (thiếu nước khoảng 18ha lúa);

